

Sở hữu nhà nước trong hệ thống tài chính Việt Nam

Kinh tế thế giới ngày một thay đổi bởi sự vận động không ngừng của từng chủ thể với mức độ khác nhau. Nếu như sự phân tầng về mức độ phát triển của một quốc gia đưa vào thu nhập bình quân đầu người thì Việt Nam đang được xếp vào nước có thu nhập thấp. Hệ thống tài chính chủ yếu vẫn là hoạt động của hệ thống ngân hàng và Nhà nước luôn nắm giữ quyền sở hữu với vai trò chủ đạo. Nhìn nhận lại vào những thập niên 50, 60, nhiều người tin rằng Chính phủ nên thay thế thị trường và sở hữu ngân hàng đường như là cách để giúp các quốc gia đang phát triển có thể tăng trưởng bền vững. Nhưng những nghiên cứu từ thực tiễn gần đây cho thấy sở hữu Nhà nước trong các ngân hàng có khuynh hướng làm hạn chế phát triển tài chính và tác động làm cản trở phát triển kinh tế. Như vậy, thị trường có thất bại của thị trường, Nhà nước có thất bại của Nhà nước nên vấn đề cần xác định là Nhà nước nên vận động song hành với thị trường ở mức độ hợp lý. Vậy, phương thức nào được lựa chọn để chữa bệnh kém hiệu quả của sở hữu Nhà nước trong hệ thống ngân hàng?

TS. ĐOÀN THỊ HỒNG
NHNN TỈNH LONG AN

Để có thể trả lời cho câu hỏi, bài viết sẽ đưa ra những lý do gần gũi đã được đúc kết để biện minh cho Nhà nước can thiệp vào lĩnh vực ngân hàng bằng cách trực tiếp sở hữu các ngân hàng thương mại cùng với những lý do thất bại của Nhà nước trong tư cách là người sở hữu ngân hàng và dẫn ra phương thức nhằm nâng cao hiệu quả sở hữu Nhà nước trong hệ thống tài chính Việt Nam.

Tại sao Nhà nước cần phải tham gia sở hữu trong hệ thống tài chính?

Động cơ cũng như mục tiêu của Nhà nước luôn xuất phát từ ý tưởng tốt. Từ động cơ quan trọng là thực hiện vai trò của Nhà nước, để có thể kiểm soát nền kinh tế một cách chặt chẽ và toàn diện nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, giúp tăng cường khả năng kiểm soát và điều hành chính sách tiền tệ. Qua đó, có thể dự báo được các nguy cơ tiềm ẩn như khủng hoảng tài chính và ngăn ngừa được các xung đột bởi các nhóm lợi ích. Và do hiệu quả của hệ thống tài chính là nhân tố quan trọng nhất tác động đến tăng trưởng kinh tế nên sự can thiệp của Nhà nước là tạo lập các hàng rào ngăn cản sự tham gia vào hoạt động ngân hàng.

Khi Chính phủ kiểm soát được hệ thống ngân hàng thì sẽ kiểm soát được việc phân bổ vốn tốt hơn, nguồn lực sử dụng một cách hiệu quả hơn. Chính phủ có thể đảm bảo nguồn thu tương đối ổn định, giúp việc trích nộp thẳng dư từ nguồn tài chính hay để dành hơn cho việc chi định tín dụng.

Đối với thị trường tài chính ở các nước đang phát triển; trong đó lãi suất

sách tiền tệ; quan tâm được xem như là tham số chính sách hoặc tham số hoạt động. Để đưa lãi suất liên ngân hàng sát gần với tham số hoạt động, Ngân hàng Nhà nước cần phát triển hoạt động thị trường mở với các nghiệp vụ repo qua đêm và repo ngược.

(iii) Chấp nhận các nguyên tắc minh bạch để phát ra các tín hiệu, giúp cho thị trường nhận thức rõ quan điểm của chính sách tiền tệ.

(iv) Cẩn loại bỏ các công cụ có tính chất phi thị trường, công cụ hành chính, bao cấp (tái cấp

vốn). (v) Tổ chức lại hệ thống các chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành hệ thống Ngân hàng Nhà nước khu vực, hoạt động với chức năng như là một Ngân hàng Trung ương ■

Tài liệu tham khảo:

1. *Laitin American central bank reform: Progress and challenges, Agustin Carsten and Luis I. Jacome.H, IMF.*
2. *Central Bank independence in transition Economics, Wojtech S Maliszewski, 2000*
3. *Luật Ngân hàng Nhà nước, 1997, 2003.*

Na Uy. Ailen đã công bố về việc chuyển đổi sang lạm phát mục tiêu trong điều hành chính sách tiền tệ. Các nước đang phát triển châu Mỹ La tinh đã áp dụng lạm phát mục tiêu trong điều hành chính sách tiền tệ từ năm 1990...

Chuyển sang lạm phát mục tiêu trong điều hành chính sách tiền tệ, đòi hỏi Ngân hàng Nhà nước:

(i) Phải thiết lập khuôn khổ sử dụng các công cụ chính sách dựa trên nền tảng kiểm soát tính lỏng của hệ thống ngân hàng.

(ii) Sử dụng lãi suất ngân hàng như là công cụ cơ bản của chính

triển, thể chế chưa hoàn thiện dễ xảy ra tình trạng thông tin bất cân xứng làm thị trường có xu hướng thiên về nợ. Khi đó, chỉ có Chính phủ mới có thể phân bổ vốn hiệu quả hơn tư nhân, do các ngân hàng tư nhân không thể cập nhật đầy đủ thông tin kịp lúc làm việc ký kết hợp đồng mất nhiều thời gian hoặc xảy ra lựa chọn ngược do bỏ qua cơ hội đối với dự án tốt và chấp nhận dự án xấu.

Hoạt động ngân hàng có lợi thế kinh tế theo quy mô và lợi thế theo phạm vi, nếu để sở hữu tư nhân thống trị dễ dẫn đến xu hướng thiên về độc quyền tự nhiên, tạo sự bất bình đẳng về thu nhập; đồng vốn dễ bị thao túng trong tay những kẻ giàu và thế lực; làm hạn chế khả năng tiếp cận vốn của một số bộ phận, nhất là đối với những đối tượng cần vươn lên để thoát nghèo và đặc biệt đối với những dự án trung thực và khả thi. Hơn nữa, mục tiêu hoạt động của ngân hàng tư nhân chủ yếu vẫn nhằm vào mục tiêu lợi nhuận mà không quan tâm đến các hoạt động công cộng mang tính chất phúc lợi xã hội.

Từ những sự kiện thực tế như hệ thống ngân hàng ở Chile (đầu thập niên 80), Mèhicô (1994) bị khủng hoảng sau quá trình tư nhân hóa dễ dẫn đến ngoại tác tiêu cực khiến cho các nước mang tâm lý cho rằng ngân hàng tư nhân rất dễ bị sụp đổ do chạy theo lợi nhuận và đầu tư vào những khoảng rủi ro.

Tại sao các ngân hàng thương mại Nhà nước hoạt động kém hiệu quả?

Trong thời kỳ đầu của phát triển, ngân hàng thương mại được Nhà nước sử dụng như công cụ để thực hiện chức năng cấp tín dụng cho những doanh nghiệp Nhà nước mang tính mũi nhọn của nền kinh tế. Vì vậy, xuất hiện mối quan hệ tam giác giữa Nhà nước - doanh nghiệp Nhà nước - ngân hàng thương mại Nhà nước. Với tính chất chỉ định này đã tạo ra ràng buộc ngân sách mềm của mối quan hệ ủy quyền - tác nghiệp. Nếu xét riêng về động cơ khuyến khích sẽ nhận thấy có hai vấn đề rất lớn xảy ra. Thứ nhất, không có ai là người cụ thể đại diện cho phần vốn Nhà nước, về danh nghĩa là Hội đồng quản trị nhưng về bản chất người đảm nhận vị trí này cũng chỉ là công chức làm việc hưởng lương Nhà nước, quyền lợi họ không gắn với giá trị gia tăng của doanh nghiệp mà bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác. Thứ hai, người điều hành không có động cơ làm cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, họ chủ yếu tìm kiếm mối lợi riêng và cùng cố địa vị cá nhân.

Mâu thuẫn về động cơ cũng dễ xảy ra khi sở hữu Nhà nước chiếm tỷ lệ cao do sự phân bổ nhiệm vụ, chức năng còn chưa phù hợp. Bộ phận giám sát của Chính phủ cũng có trách nhiệm kiểm tra bộ phận khác cũng thuộc Chính phủ sẽ dễ xảy ra tình trạng bao che làm uy tín của bộ phận giám sát Nhà nước trở nên yếu đi.

Kinh nghiệm thực tiễn từ hệ thống tài chính Trung Quốc

Sự cất cánh nền kinh tế Trung Quốc hơn một

phần tư thế kỷ qua nhờ vào sự duy trì một hệ thống tài chính do Chính phủ chi phối. Thông qua việc tạo hàng rào ngăn cản sự tham gia vào hoạt động của ngân hàng thương mại và các dịch vụ tài chính; Chính phủ Trung ương, đặc biệt là chính quyền địa phương các cấp can thiệp mạnh mẽ vào sự vận hành của thị trường vốn nhằm tập trung khu vực tài chính vào các tổ chức thuộc sở hữu Nhà nước.

Nhưng cuối cùng cũng dẫn đến một số cam bẫy nhất định, đó là sự manh mún của thị trường vốn trong nước do sự can thiệp của chính quyền địa phương, sự phân bổ sai nguồn vốn và vốn đầu tư trong nội bộ Trung Quốc lưu chuyển kém hơn nhiều so với nội bộ của những quốc gia có thị trường vốn quốc tế hội nhập. Mức độ lưu chuyển vốn ở Trung Quốc đã giảm đáng kể trong thập niên 90 so với thập niên 80 và Chính phủ có xu hướng phân bổ vốn đầu tư một cách có hệ thống từ những vùng hoạt động hiệu quả đến những vùng kém hiệu quả hơn.

Tất cả những phát hiện cho thấy nếu vai trò của Chính phủ nhỏ hơn trong hệ thống tài chính thì hiệu quả của hệ thống tài chính có thể sẽ được cải thiện.

Như vậy, thị trường có thất bại của thị trường, Nhà nước có thất bại của Nhà nước nên vấn đề cần xác định là Nhà nước nên vận động song hành với thị trường ở mức độ hợp lý. Còn ở Việt Nam thì sao?

Nhìn lại giai đoạn từ năm 2000, Nhà nước bắt đầu thực hiện nhiều cải cách. Năm 2002, bốn ngân hàng thương mại Nhà nước được kiểm toán độc lập. Mức độ sở hữu Nhà nước trong hệ thống ngân hàng đã giảm xuống. Nếu giai đoạn trước, sở hữu Nhà nước trong hệ thống ngân hàng lớn hơn 90% thì đến năm 2003, mức độ sở hữu giảm xuống còn 71%. Trong khi đó, vai trò của các ngân hàng cổ phần, các ngân hàng nước ngoài ngày càng gia tăng và có vai trò tích cực.

Quốc gia	1993		2003	
	Nhà nước	Ngoài Nhà nước	Nhà nước	Ngoài Nhà nước
Ba lan	86,2%	13,80%	25,2%	74,8%
Hungary	74,9%	25,1%	7,0%	93,0%
Séc	11,9%	88,1%	3,0%	97,0%
Slovakia	70,7%	29,3%	19,0%	81,0%
Trung Quốc	83,8%	16,2%	67,6%	32,4%
Việt Nam	>90%	<10,0%	71,0%	29,0%

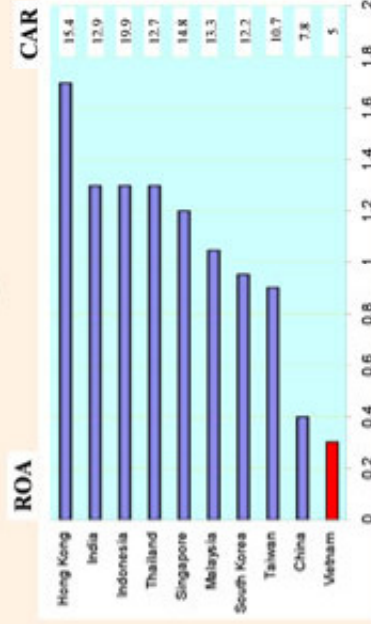
So sánh với số liệu cơ cấu của Trung Quốc thì có thể thấy được mức độ tương đồng trong cơ cấu sở hữu của hệ thống ngân hàng.

Vấn là hệ thống ngân hàng thương mại Nhà nước chiếm ưu thế trong cơ cấu. Kết hợp tất cả các loại tổ chức tài chính thuộc sở hữu Nhà nước, tính cả Hợp tác xã tín dụng thì thị phần của chúng chiếm 76,4% ở Việt Nam và 81,8% ở Trung Quốc. Những con số này cho thấy sự tham gia của Nhà nước vào hệ thống ngân hàng ở cả hai



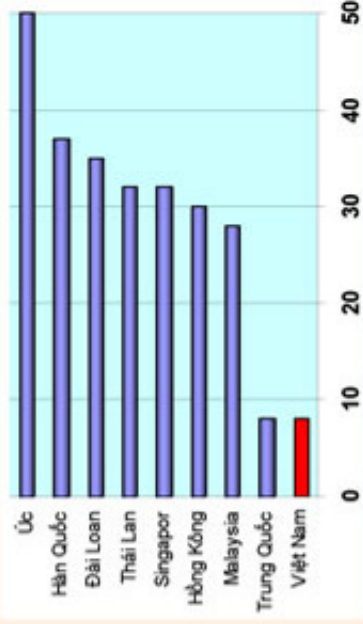
nước Việt Nam và Trung Quốc là rất lớn.

Sở hữu Nhà nước cao trong hệ thống ngân hàng bên cạnh những mặt tích cực trong việc quản lý Nhà nước, ổn định vĩ mô tránh khủng hoảng xảy ra từ kinh nghiệm một số nước Đông Á tự do hóa hệ thống tài chính quá nhanh thì còn bộc lộ nhiều hạn chế trong việc can trở sự phát triển của hệ thống tài chính quốc gia. So sánh với các quốc gia khác trong khu vực, hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam suất sinh lợi trên tổng tài sản thấp, ROA vào năm 2004 chỉ khoảng 0,3%, hệ số đủ vốn CAR vào khoảng 5%.



Bên cạnh đó, tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ so với lợi nhuận từ hoạt động của các ngân hàng theo số liệu báo cáo của Goldman Sachs cho thấy hiệu quả hoạt động của các ngân hàng còn rất thấp

Thu nhập từ dịch vụ so với thu nhập từ hoạt động ngân hàng các nước



Nguồn: Goldman Sachs

Như vậy, hệ thống tài chính của các nước theo nền kinh tế tập trung và hệ thống tài chính của các nước trong giai đoạn chuyển đổi hầu hết do



Nhà nước quản lý và hoạt động bị chi phối rất nhiều bởi ràng buộc ngân sách mềm và quan hệ tam giác giữa Nhà nước - doanh nghiệp Nhà nước - ngân hàng thương mại Nhà nước. Hệ thống tài chính hoạt động không hiệu quả, dễ bị tổn thương và đổ vỡ, hệ số ICOR cao. Giai đoạn 2000-2006, ICOR của Việt Nam vào khoảng 5,1 cho thấy

hiệu quả đầu tư thấp. Hơn nữa, tâm lý ỷ lại từ cả phía ngân hàng thương mại và doanh nghiệp Nhà nước vẫn còn rõ nét. Vì thế, đòi hỏi cần phải tiếp tục cải thiện hệ thống ngân hàng để phát huy tính hiệu quả từ việc đa dạng hóa loại hình sở hữu.

Theo khuyến cáo của ngân hàng Thế giới: "Nguy cơ tiềm tàng là bốn ngân hàng thương mại Nhà nước có thể - thông qua các lựa chọn chiến lược giống nhau - sẽ làm suy yếu lẫn nhau qua cạnh tranh căng thẳng nếu cả bốn ngân hàng thương mại Nhà nước thành ngân hàng đa năng" và thực tế thời gian qua, các ngân hàng đã có những dấu hiệu này như việc cùng nhau tăng lãi suất huy động có tính đột biến, mở rộng địa bàn hoạt động trong khi chưa đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn.

Quy mô toàn hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam hiện vẫn còn nhỏ so các nước khu vực châu Á. Tính theo thông lệ quốc tế, tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn tối thiểu phải đạt 8% nhưng nếu Nhà nước vẫn chiếm giữ quyền sở hữu như trước đây thì các ngân hàng khó có hy vọng tăng dù vốn do nguồn ngân sách có hạn. Trong số vốn tự có của ngân hàng, 50% là vốn danh nghĩa được hình thành từ trái phiếu đặc biệt do Bộ Tài chính cấp, trong khi tính theo cách trả lãi của Bộ Tài chính, loại trái phiếu này chỉ biến thành vốn mỗi năm chỉ có 3% (tương đương 260 tỷ đồng).

Hậu quả của chất lượng tín dụng yếu kém không chỉ là thất thoát vốn mà còn để lại hậu quả lâu dài do đưa dự án kém chất lượng vào thực hiện, các ngân hàng phải tăng trích lập quỹ dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để đưa ra ngoại bảng và như vậy đã làm mất đi nguồn thu cho ngân sách. Bên cạnh đó, bản chất của việc thống kê nợ xấu theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN so với Quyết định 488/2000/QĐ-NHNN5 trước đây càng làm tình trạng bóp méo thêm nhiều. Khó ai thống kê được đâu là nợ xấu do phải thực hiện các chỉ thị của các cấp lãnh đạo mà hầu hết các ngân hàng cũng không muốn công bố. Theo số liệu tổng kết của Ngân hàng Nhà nước, đến năm 2005, nợ xấu của các ngân hàng thương mại Nhà nước là 5,4% và ở khối các ngân hàng thương mại cổ phần là 2%, nhưng thực tế có lẽ số liệu này sẽ cao hơn. Tham khảo ước tính của IMF, con số nợ xấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam ít nhất là 15%.

Hiện tại, ngân hàng thương mại Nhà nước đang đứng trước thực trạng nợ tồn đọng cao, phần lớn ảnh hưởng từ hệ quả các doanh nghiệp Nhà nước kinh doanh kém hiệu quả trước đây trong khi vốn tự có lại quá thấp. Vậy phương thức nào được lựa chọn để chữa bệnh kém hiệu quả của sở hữu Nhà nước trong hệ thống ngân hàng?

Và ngày nay, cổ phần hóa là phương thức tương đối hữu hiệu được lựa chọn. Tuy nhiên, cổ phần hóa ngân hàng thương mại Nhà nước hiện đang còn là vấn đề nóng, không đơn thuần như một doanh nghiệp. Để có thể đạt được mục tiêu, còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố từ việc sắp xếp lại trước khi có phần hóa đến đến chiến lược quản lý hiệu quả bền vững

sau cổ phần hóa là vấn đề quan tâm trong điều kiện hiện tại Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên WTO, hệ thống tài chính cũng được thay đổi theo cam kết. Các ngân hàng nước ngoài được phép mở chi nhánh tại Việt Nam từ ngày 1/4/2007 cho thấy rõ mức độ sở hữu Nhà nước trong hệ thống ngân hàng giảm dần cả về vai trò quyết định và tỷ lệ sở hữu.

Đối tượng nào là quan trọng sau khi cổ phần hóa?

Có ba đối tượng quan trọng: người đại diện phần vốn Nhà nước, nhà đầu tư chiến lược và người điều hành doanh nghiệp.

Đối với người đại diện phần vốn Nhà nước và người điều hành, ứng với mỗi đối tượng này chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đều được quy định rõ ràng, nhưng như bao nhiêu người khác, khi bán chất con người là duy lý thì cả hai đối tượng đều có mục tiêu cá nhân rất lớn là thu nhập cao và cơ hội thăng tiến. Đây cũng là điều quan tâm khi lựa chọn công cụ quản trị, đặc biệt là ảnh hưởng của chu kỳ chính trị, giai đoạn đầu và cuối là khác nhau.

Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Nhà đầu tư chiến lược là những đối tượng được cân nhắc đến nhằm đạt mục tiêu của tiến trình cổ phần hóa vì chỉ có sự tham gia của họ mới có thể khác phục được hai trong ba điểm yếu mà hệ thống ngân hàng đang gặp phải, đó là trình độ quản lý và công nghệ. Bằng chứng là hệ thống ngân hàng Đông Âu đã tốt hơn rất nhiều từ các nhà đầu tư này. Tuy nhiên, câu hỏi cũng cần đặt ra là liệu các nhà đầu tư chiến lược này muốn ngân hàng mà họ tham gia sở hữu mạnh lên và cùng đạt được lợi ích thực sự hay chỉ muốn biến chúng trở thành công cụ để đạt được mục tiêu cuối cùng của mình khi tham gia sở hữu? Lời giải bài toán này có thể là bài học kinh nghiệm cho Việt Nam tránh được nguy cơ bị đầu tôm khi đã tham gia vào Tổ chức Thương mại Thế giới, nhất là quy mô hiện tại còn nhỏ. Vì thực tế hệ thống ngân hàng Đông Âu hiện nay trở nên tốt hơn nhưng nếu nhìn lại thì các ngân hàng Đông Âu đã bị mua lại bởi ngân hàng Tây Âu. Và khi quan sát chiến lược của bất kỳ ngân hàng đa quốc gia nào, mục tiêu của họ vẫn là trở thành tập đoàn tài chính mạnh trên phạm vi toàn cầu. Do đó, khi tham nhập vào một quốc gia mới, mục tiêu quan trọng là xây dựng một ngân hàng mạnh mang chính thương hiệu của mình.

Nên dùng công cụ quản trị nào?

Để người đại diện cho phần vốn Nhà nước, người điều hành doanh nghiệp thực sự gắn bó và thực hiện vì mục tiêu làm gia tăng giá trị doanh nghiệp thì cần làm cho họ thấy rằng họ sẽ đạt được lợi ích khi tận tâm với nhiệm vụ hay là làm cho mục tiêu thăng tiến và có thu nhập cao của họ cùng hướng với mục tiêu của doanh nghiệp. Công cụ sử dụng cho đối tượng này là quyền chọn mua cổ phiếu và quỹ khen thưởng.

Đối với quyền chọn mua cổ phiếu sẽ khuyến khích những người điều hành cố gắng làm gia tăng

giá trị doanh nghiệp, như hình thức chứng khoán phái sinh, người điều hành sẽ được quyền chọn mua cổ phiếu ở một mức giá cố định trong tương lai. Nếu doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả, giá cổ phiếu sẽ tăng và nhờ quyền chọn mua này sẽ thu được lợi.

Với quỹ khen thưởng, ngoài mức lương cơ bản với chức danh nhận được, có một khoản đủ lớn để có thể làm động cơ khuyến khích người điều hành nâng động làm việc hiệu quả. Song song đó, trong quá trình điều hành - nếu để xảy ra những tổn thất cho doanh nghiệp vì lý do khách quan thì khoản tiền thưởng này sẽ được dùng để bù đắp. Quỹ này cũng có tác dụng như cái lưới an toàn buộc người điều hành cần nhắc kỹ hơn khi đưa ra quyết định mang tính rủi ro.

Như vậy, can thiệp của Chính phủ là cần thiết khi tình trạng thông tin bất cân xứng và yếu tố ngoại tác xảy ra, sự chi phối của Nhà nước sẽ duy trì sự ổn định cần thiết cho phát triển tài chính nhưng không phải lúc nào sự can thiệp của Nhà nước cũng tốt và cần thiết cho sự phát triển của đất nước, trong một chừng mực nào đó, sự chi phối mạnh mẽ của Chính phủ làm kìm hãm năng suất và tốc độ tăng trưởng của thu nhập quốc gia và khi đó thất bại Nhà nước sẽ xuất hiện. Sở hữu Nhà nước giảm dần sẽ giúp cho hệ thống tài chính vận hành hiệu quả hơn. Tuy nhiên, đi liền với tình mở cửa tự do tài chính sẽ tiềm ẩn rất nhiều rủi ro, thị trường chứng khoán Việt nam bùng nổ năm 2006 do kỳ vọng quá lớn của công chúng dưới tác động của tâm lý đám đông hoàn toàn không tốt cho nền kinh tế khi mà giá trị gia tăng không được tạo ra.

Việt Nam vẫn là nước đang phát triển, chuyển đổi và hội nhập, thể chế chưa đủ mạnh. Một số giải pháp đề cập sau có thể áp dụng cho việc sở hữu Nhà nước trong hệ thống tài chính ở Việt Nam hiện nay:

Trước hết, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp nhằm tạo hành lang pháp lý có hiệu lực, đảm bảo sự bình đẳng, an toàn cho mọi tổ chức hoạt động dịch vụ ngân hàng và tài chính trên lãnh thổ Việt Nam, gây sức ép phải đổi mới và tăng hiệu quả hoạt động lên các ngân hàng thương mại Việt Nam như nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm chi phí giao dịch, có khả năng tự bảo vệ trước cạnh tranh quốc tế trong hội nhập, đảm bảo quyền kinh doanh của các ngân hàng và tổ chức tài chính nước ngoài theo các cam kết song phương và đa phương.

Cơ cấu lại tổ chức: tách hoàn toàn các hoạt động cho vay theo chính sách ra khỏi hoạt động kinh doanh thương mại của ngân hàng thương mại để các ngân hàng thực hiện đúng chức năng kinh doanh theo nguyên tắc của thị trường

Cơ cấu lại tài chính: đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa, tăng vốn điều lệ và xử lý dứt điểm nợ tồn đọng của các ngân hàng thương mại Nhà nước nhằm lành mạnh hóa tài chính, nâng cao khả năng cạnh tranh và quản trị rủi ro. Từng ngân hàng thương mại phải xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh mới, giảm dần bảo hộ các ngân hàng

(Xem tiếp trang 22)

như các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hợp tác xã hoặc khu vực nông nghiệp, nông thôn có nhiều khó khăn do không có tài sản thế chấp, không có khả năng lập dự án, nhiều rủi ro do như thiên tai, dịch bệnh, rớt giá; cho vay các món nhỏ, lẻ. Nếu các NH mới thành lập muốn tăng thị phần thì phải có nguồn vốn lớn để đầu tư vào dự án cần nhiều vốn, thời hạn cho vay dài hơn, giảm bớt những quy định về an toàn vốn, hoặc chấp nhận cho vay với lãi suất thấp hơn thị trường, như vậy tiềm ẩn nhiều rủi ro, hạn chế lợi nhuận từ nguồn thu tín dụng là khó tránh khỏi; còn nguồn thu từ dịch vụ mở và thanh toán thẻ đòi hỏi phải đầu tư rất lớn về cơ sở hạ tầng như lắp đặt máy ATM mà giá trị không dưới vài, ba chục ngàn USD cho mỗi máy, máy POS cũng khoảng 7 ngàn USD, nếu muốn có hàng trăm máy như thế thì các ngân hàng mới thành lập liệu đủ năng lực tài chính và khả năng vận hành một cách an toàn để thu hút khách hàng hay không?

Điều này cho thấy cuộc chiến giữa các ngân hàng thời gian tới là vô cùng quyết liệt, phần thắng chắc chỉ dành cho các ngân hàng có thể mạnh về vốn, năng lực và khả năng quản trị, điều hành, nguồn nhân lực, trình độ công nghệ. Đó là các NHTM với nhiều kinh nghiệm đã hoạt động lâu năm, các ngân hàng nước ngoài với năng lực tài chính, kinh nghiệm quản trị, năng lực công nghệ vượt trội; còn các ngân hàng mới thành lập chắc sẽ khá chật vật để dành thị phần, tìm kiếm lợi nhuận và nhất là đối mặt với nhiều rủi ro, chưa biết những hậu quả của nó để lại trước hết cho các TĐKT, các doanh nghiệp và sau đó là cho nền kinh tế nước ta sẽ như thế nào!

Sở hữu nhà nước trong hệ thống tài chính

(Tiếp theo trang 10)

trong nước, đặc biệt về hoạt động tín dụng và cơ chế tái cấp vốn. Tăng cường quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của ngân hàng trong kinh doanh, xây dựng và áp dụng đầy đủ hơn các quy chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

Xây dựng chiến lược phát triển công nghệ ngân hàng, nhất là hệ thống thông tin quản lý cho toàn bộ hoạt động ngân hàng như: công tác điều hành kinh doanh, kiểm soát hoạt động ngân hàng, quản lý nguồn vốn, tài sản, quản lý rủi ro, quản lý công nợ và công tác kế toán, hệ thống thanh toán liên ngân hàng, hệ thống giao dịch điện tử và giám sát từ xa. Đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, đào tạo và đào tạo lại cán bộ thực hiện tốt các nghiệp vụ của ngân hàng

hiện đại, tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập quốc tế, nhất là những cán bộ trực tiếp tham gia vào quá trình đàm phán, ký kết các hợp đồng quốc tế, cán bộ kiểm tra - kiểm toán nội bộ, cán bộ chuyên trách làm công tác pháp luật quốc tế, cán bộ sử dụng và vận hành công nghệ mới ■

Tài liệu tham khảo

- 1- Ngân hàng Thế giới (2001), *Chương 3: "Thất bại của Chính phủ trong tài chính". Bản tiếng Việt, trang 171 – 196.*
- 2- Bài đọc: "Những cạm bẫy của một hệ thống tài chính do Nhà nước chi phối: trường hợp của Trung Quốc", Tài chính Phát triển, chương trình Fulbright, 2006.
- 3- Bài giảng: "Sở hữu Nhà nước trong hệ thống tài chính", Tài chính Phát triển, chương

TRANG KẾT LUẬN

TĐKT ở nước ta mới ra đời hơn chục năm trở lại đây nhưng còn trong giai đoạn thí điểm, chưa được tổng kết, đánh giá một cách đầy đủ, những vấn đề pháp lý còn thiếu để triển khai một cách bài bản. Vì nhiều lý do nên nhiều doanh nghiệp, Tổng công ty cố gắng cho lên đời theo kiểu "phong trào tập đoàn". Vì mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận nên các TĐKT đang cố gắng mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực không phải sở trường như lĩnh vực tài chính - ngân hàng gây hệ lụy cho nền kinh tế. Mặc dù những khuyến nghị của các chuyên gia trong và ngoài nước về nguy cơ này nhưng đến nay một số TĐKT vẫn được NHNN cấp giấy phép thành lập các ngân hàng riêng. Do vậy vai trò giám sát của ngành thanh tra ngân hàng phải hết sức quan trọng mới giúp cho hệ thống NHTM nói chung và các ngân hàng mới thành lập nói riêng hoạt động an toàn và phát triển bền vững được ■

Tài liệu tham khảo:

- 1- *Tập đoàn kinh tế một số vấn đề lý luận và thực tiễn- Thạc sĩ Doãn Hữu Tuệ Tap chi nghiên cứu kinh tế số 349 tháng 6/2007.*
- 2- www.ncseif.gov.vn.
- 3- www.doisongphapluat.com.vn
- 4- www.mof.gov.vn;
- 5- *Vn Express*
- 6- TB Ngân hàng- cuộc đua "công thức một" bài của Kiều Vân
- 7- www.laodong.com.vn.
- 8- TB kinh tế số 179 ngày 27/6/2007
- 9- TB kinh tế số 194 ngày 14/8/2007

trình Fulbright, 2006.

4- Huỳnh Thế Du, Thời báo Kinh tế Sài Gòn (2005): "Cải cách ngân hàng ở Việt Nam: Còn lắm công gai".

5- Lê Đăng Doanh, Thời báo Kinh tế Sài Gòn: "Vai trò của Chính phủ trong hệ thống tài chính – ngân hàng".

6- Jens Kousted, from *Monobank to Commercial Banking, 2005.*

7- Tô Anh Dương, "Những cơ hội và thách thức của các Ngân hàng thương mại Việt Nam trong cạnh tranh và hội nhập quốc tế", tài liệu sử dụng tại hội thảo khoa học "Vai trò của hệ thống ngân hàng trong 20 năm đổi mới ở Việt Nam", 2006.

8- Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, nhà xuất bản tài chính (2004): "Thị trường tài chính Việt Nam-Thực trạng vấn đề và giải quyết chính sách".